TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61 /2020/HN-ST
Ngày: 01/10/2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Nguyễn Văn Mến**.

- Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*: Bà **Võ Thị Nhu** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 161/2020/QĐST-HN ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:*Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1989.
HKTT: KV Thạnh Lợi, P. Thường Thạnh, Q. C, Tp. Cần Thơ.
Địa chỉ liên lạc: KV 7, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Võ Minh Đ,** sinh năm 1984.
HKTT: KV Thạnh Lợi, P. Thường Thạnh, Q C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 8 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:*** Bà và ông Đ kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thường Thạnh, quận C vào ngày 28/4/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do ông Đ không trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2015. Nhận thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Nguyễn Quốc D (nam), sinh 08/9/2013. Khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* **Bị đơn ông Võ Minh Đ trình bày**: Ông thống nhất lời trình bày bà L về quan hệ hôn nhân. Ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung như bà L trình bày. Ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông Đ yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà L và ông Đ có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Cho thấy giữa ông, bà có mâu thuẩn không thể hàn gắn. Do vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà L và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẩn nên bà L có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Do ông Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông Đ cũng đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của cả 02 bên đương sự nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Nguyễn Quốc D (nam), sinh 08/9/2013. Ông Đ có yêu cầu được nuôi con. Bà L cũng đồng ý giao con cho ông Đ nuôi. Cháu D cũng có nguyện vọng được sống cùng ba nên giao cháu D cho ông Đ nuôi dưỡng. Do ông Đ không yêu cầu bà L cấp dưỡng nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với ông Võ Minh Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Quốc D (nam), sinh 08/9/2013 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con vì ông Đ không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà L theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 006313 ngày 21/8/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông Đ thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ "để báo cáo".
- VKSND TPCT, Q. C "để theo dõi".
- Các đương sự "để biết".
- THA DS Q. C "để thi hành".
- UBND P. Thường Thạnh.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc